

PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Số:⁵⁸...../BC-CIPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I/ THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101058736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/03/2006, cấp thay đổi lần 10 ngày 4/6/2016.
- Vốn điều lệ: 45.450.000.000, VNĐ
- Địa chỉ trụ sở: Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại: 0433120165 Fax: 0433120141
- Website: www.cipc.vn
- Mã cổ phiếu: CIP

*. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tiền thân là Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp, được thành lập ngày 04/6/1959 theo Nghị định 388 của Thủ tướng Chính phủ, thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (Nay là Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam) – Bộ Công Thương.

Ngày 20/5/1993 theo Quyết định số 250-QĐ/TCNSĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng Quyết định thành lập lại Công ty Xây lắp II được phép đặt trụ sở tại Phường Trung Thành – Thành phố Thái Nguyên – tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 30/7/1996 theo Quyết định số 212/QĐ –TCCB của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc đổi tên Công ty Xây lắp (tên cũ là Công ty Xây lắp II) thành Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Năm 1998, Công ty được sắp xếp lại từ thành viên của Tổng Công ty Thép chuyển sang cùng một số đơn vị của Bộ Công nghiệp để thành lập Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam) cho

phù hợp với ngành nghề kinh doanh, mô hình quản lý xây lắp đa dạng sản phẩm, nhận thầu công trình lớn trọn gói kể cả tư vấn thiết kế, v.v.v..

Năm 2005, thực hiện chủ trương và lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/9/2005 và Quyết định số 281/QĐ-BCN ngày 13/2/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp thành Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (tên viết tắt là: CIPC. Mã cổ phiếu: CIP)

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: 010311630 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp (lần đầu) ngày 31/3/2006; đăng ký thay đổi lần hai ngày 21/5/2006; đăng ký thay đổi lần ba ngày 23/5/2011; đăng ký thay đổi lần bốn ngày 04/5/2012; đăng ký thay đổi kinh doanh lần năm ngày 30/5/2012, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 16/5/2014, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 20/5/2014, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 04/12/2014, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 02/4/2015, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 04/6/2016, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 11/10/2018, với mã số doanh nghiệp hiện tại là: 0101058736.

- Ngành nghề kinh doanh chính:

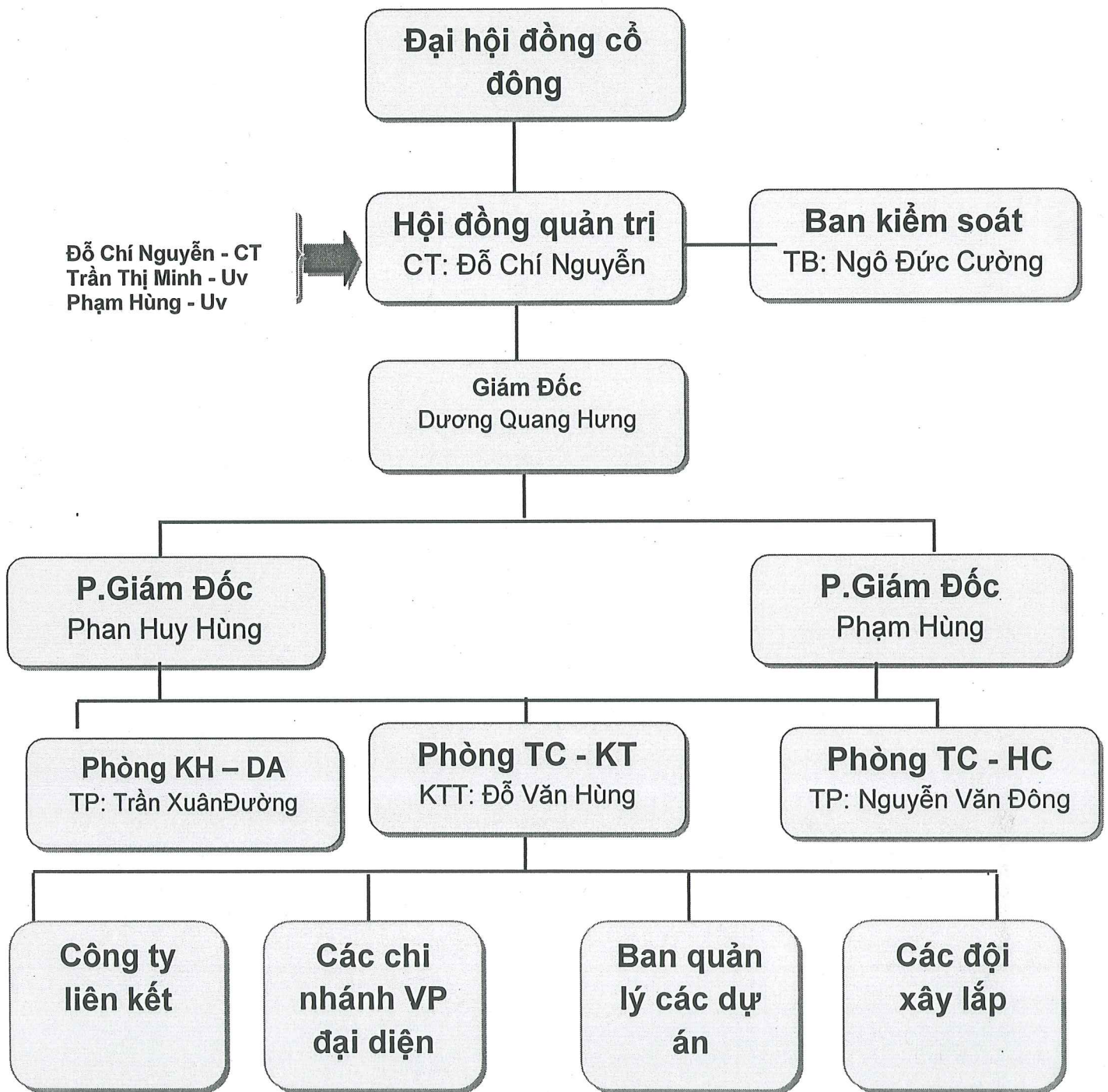
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dành cho vui chơi giải trí; - Lắp đặt thiết bị công nghệ, điện nước, đo lường, phòng chống cháy;	4329
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Hoàn thiện công trình xây dựng.	4330
5	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp.	2816
6	Sản xuất đồ gỗ xây dựng.	1622
7	Sản xuất bê tông và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
8	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.	2396

9	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	2512
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.	2592
11	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320
12	Xây dựng nhà các loại.	4100
13	Xây dựng công trình công ích.	4220
14	Phá dỡ.	4311
15	Chuẩn bị mặt bằng.	4312
16	<p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các tòa nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ tòa nhà, + Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng. 	4390
17	Đại lý, môi giới, đấu giá: Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
18	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</p>	4659
19	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn đầu tư, lập dự án và tổng lập dự toán, quản lý dự án (không 	7110

	<p>bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);</p> <p>- Lập dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp thoát nước; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;</p>	
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
21	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết: - Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 220KV;</p> <p>- Xây lắp đường dây và trạm biến áp, công trình nguồn điện;</p> <p>- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng đến nhóm A; Các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu công nghiệp và khu dân cư; Công trình giao thông đường bộ, cầu cảng, thủy lợi;</p>	4290
22	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ vận tải đường bộ, đại lý hàng hóa, cho thuê thiết bị và kho bãi;</p>	5229
23	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết: - Mua, bán thiết bị, vật tư kỹ thuật, vật liệu xây dựng;</p>	4663
24	<p>Sản xuất các cấu kiện kim loại</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất kết cấu thép, nhà tiền chế, thiết bị phi tiêu chuẩn, tấm lợp, kim loại và phụ kiện.</p>	2511
25	<p>Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Sản xuất các loại vật liệu xây dựng</p>	3290
26	<p>Giáo dục nghề nghiệp: (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</p> <p>- Địa bàn kinh doanh: Trải dài khắp các tỉnh thành trong cả nước,...</p>	8532

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

* Mô hình quản trị:



*** Các Công ty mẹ, Công ty con, công ty liên kết, Chi nhánh, VPĐD**

Công ty mẹ

Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

- Địa chỉ: Toà nhà số 5 Láng Hạ, Hà Nội
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.370.093 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu: 52.15%

Các Công ty liên danh, liên kết:

a. Công ty cổ phần bao bì Sông Công

- Địa chỉ: Thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 02803861123 Fax: 02803861123
- Vốn điều lệ: 11.057.500.000đ
- Tỷ lệ vốn góp của CIPC: 38%; tương đương: 4.200.000.000 đồng

b. Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm VINAINCON

- Địa chỉ: Huyện Nam Sách - Hải Dương
- Điện thoại: Fax:
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000đ
- Tỷ lệ vốn góp của CIPC: 20%; tương đương: 8.000.000.000 đồng

c. Tổng Công ty Cổ phần VINAINCON

- Địa chỉ: Tòa nhà số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: Fax:
- Vốn điều lệ: 550.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của CIPC: 0,36%; tương đương: 2.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

d. Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất công nghiệp Đức Giang

- Địa chỉ: 106 Đức Giang, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
- Điện thoại: Fax:
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ
- Tỷ lệ vốn góp của CIPC: 10%; tương đương: 1.200.000.000 đồng

Chi nhánh và văn phòng đại diện

a. Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và SX Công nghiệp - Xí nghiệp xây lắp và thi công cơ giới:

- Địa chỉ: Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội
- Tel/ fax: 04.35584472/04.38584274

b. Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và SX Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát Công trình:

- Địa chỉ: Thanh trì, TP Hà Nội
- Tel/ fax: 04.38610994 / 38610994

c. Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và SX Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp 4:

- Địa chỉ: Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
- Tel/ fax: 04.37659072 / 04.38372736
- d. VPĐD công ty tại Quảng Ninh:
 - Địa chỉ : phường Cẩm Thịnh, Thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
 - Điện thoại : 033.3865166 Fax: 033.3865166

4. Định hướng phát triển:

* Về phát triển thị trường

- Xây dựng công nghiệp: Tiếp cận và phát triển các công việc với đối tác nước ngoài và doanh nghiệp trên địa bàn cả nước.

- Xây dựng dân dụng: Phát triển thị trường xây dựng nhà cao tầng, nhà ở tại địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận.

- Các công trình khác: Phát triển và điều chỉnh phù hợp theo năng lực.

* Nâng cao năng lực phục vụ phát triển thị trường và phục vụ SXKD chính

- Về tổ chức: Với một bộ máy Công ty duy nhất, phát triển bộ máy Công ty gọn nhẹ nhưng hiệu quả, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực quản lý SXKD cho CBCNV và loại bỏ các yếu tố kém hiệu quả trong quản lý, phát triển con người phù hợp với năng lực và công việc của Công ty.

- Về máy móc thiết bị thi công: Theo phát triển thị trường và công việc, có hướng đầu tư đón trước các công việc theo kế hoạch. Đầu tư các thiết bị phù hợp phục vụ thi công, cạnh tranh với các đơn vị khác.

- Về tài chính: Luôn minh bạch hóa tài chính, huy động các nguồn lực tài chính để đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD.

5. Các rủi ro:

Với ngành nghề đặc thù là Xây lắp dân dụng và công nghiệp, nên có nhiều những rủi ro luôn tiềm ẩn từ khách quan mang lại như: Biến động khó lường trước về giá cả đối với vật tư, biến động về cơ chế chính sách vĩ mô của nhà nước, biến động về sự dịch chuyển của thị trường, đặc biệt là công tác quyết toán công trình, dự án (do thời gian thi công thường keos dài, phức tạp,...)

Ngoài ra mặc dù Công ty luôn đặt vấn đề quan tâm đến ATLĐ, VSCN, PCCN lên hàng đầu, nhưng với những rủi ro không mong muốn sẽ luôn làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD chung của toàn Công ty.

II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Kết quả hoạt động SXKD 2020

TT	Chỉ tiêu	TH 2019	Năm 2020
----	----------	---------	----------

			NQ 2020	TH 2020	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Tổng DT và TN khác	281.868	353.500	130.819	47	37
	1.1. Xây lắp, SXCN	275.690	350.000	121.503		
	1.2. DT khác	6.178	500	9.316		
2	Lợi nhuận sau thuế	273	500	(15.141)		
3	Tổng quỹ lương (trong DS)	4.154	7.000	2.330	56	33
4	TNBQ LĐ trong DS (triệu đồng/người/tháng)	8.2	8,2	7,2	88	88
5	Chia cổ tức/VĐL (%)	0	-	0		

2. Tổ chức và nhân sự

a/ Danh sách Ban điều hành (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

Giám đốc: Dương Quang Hưng. CP nắm giữ: 0

Phó Giám đốc: Phạm Hùng. CP nắm giữ: 40.000

Phó Giám đốc: Phan Huy Hùng. CP nắm giữ: 0

Phó Giám đốc: Nguyễn Hùng Anh CP nắm giữ: 0

Kế toán trưởng: Đỗ Văn Hùng. CP nắm giữ: 0

b/ Những thay đổi trong ban điều hành:

Quyết định số 59/QĐ-CIPC-HĐQT ngày 26/10/2020 của Hội đồng quản trị về việc Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty đối với ông Phan Huy Hùng, thời gian kể từ ngày 01/11/2020.

c/ Tổng số cán bộ, nhân viên đến 31/12/2020: 27 người

Thu nhập bình quân 7.200.000, đ/ng/thg. (LĐ trong danh sách)

3. Tình hình đầu tư/ tình hình thực hiện các dự án :

a) Đầu tư các dự án: Tiếp tục rà soát và đánh giá lại các dự án, hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ pháp lý phù hợp với quy định của pháp luật để khai thác hiệu quả đối với từng dự án.

b). Đầu tư góp vốn vào các Công ty liên kết khác là: 15.580.000.000,đ

-Vốn đầu tư vào Công ty CP Bao bì Sông Công: 4.200.000.000,đ

- Vốn đầu tư vào VINAINCON:	2.180.000.000,đ
- Vốn đầu tư vào Công ty CP bê tông VINAINCON:	8.000.000.000,đ
- Vốn đầu tư vào Công ty CP XL&SXCN Đức Giang:	1.200.000.000,đ

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Doanh thu thuần	275.690	121.503	(44%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (LN gộp)	(1.176)	(8.845)	7,5%
Lợi nhuận khác	1.449	(6.295)	(4,3%)
Lợi nhuận trước thuế	273	(15.141)	(55,5%)
Lợi nhuận sau thuế	273	(15.141)	(55,5%)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,001	0,97	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,69	0,70	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,90	0,92	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,21	11,8	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	2,10	1,31	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,59	0,31	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,00099	(0,12)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,006	(0,50)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0006	(0,039)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,004	(0,073)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.545.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: Tổng Công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam: 52,15%

- Các cổ đông khác: 47,85%

- Cổ đông là tổ chức: 03 cổ đông

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Tác động lên môi trường

6.2 Quản lý nguồn nguyên liệu

6.3 Tiêu thụ năng lượng

6.4 Tiêu thụ nước

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường

6.6 Các chính sách đối với người lao động

a) Số lượng cán bộ nhân viên: 27 người; Mức lương bình quân: 7.200.000, đ/ng/thg

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty có chế độ ăn ca cho toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty. Các ngày lễ, tết trong năm đều được thưởng tiền, hàng năm đều có tổ chức cho cán bộ nhân viên đi thăm quan. Thường xuyên tổ chức các hoạt động Văn hóa - thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty thực hiện việc đào tạo người lao động theo hình thức đào tạo tại chỗ, cập nhật các kiến thức xã hội, những phát triển công nghệ và các chế độ, chính sách mới của Nhà nước.

6.7) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Luôn có tinh thần hỗ trợ cộng đồng và công tác xã hội tại địa phương

6.8 Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên tình hình kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, trong năm Công ty không ký được các hợp đồng mới mà chỉ thực hiện các hợp đồng các năm trước chuyển sang, do vậy sản lượng, doanh thu thấp (giảm nhiều so với năm 2019 và những năm trước), lợi nhuận gộp không đủ bù đắp chi phí quản lý; công tác thu hồi vốn còn chậm do việc nghiệm thu thanh quyết toán của các chủ đầu tư chậm, do vướng mắc về thủ tục thanh quyết toán,... dẫn đến chi phí lãi vay cao; do Công ty và các Chi nhánh phải xử lý các tồn tại về tài chính nên hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty phát sinh lỗ, không đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Cuối năm 2020 tổng tài sản của Công ty là 387 tỷ, giảm 17% so với năm 2019,

b) Tình hình nợ phải trả: Nợ phải trả năm 2020 là 356 tỷ, giảm 15% so với năm 2019.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Khuyến khích các đội và đối tác trong công tác khai thác thị trường, tạo điều kiện tối đa về chính sách như: nhân lực, thiết bị, đảm bảo nguồn vốn cho các đội, đối tác để đảm bảo lợi ích cho các bên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Công tác thị trường: Tiếp tục củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, khai thác thị trường xây dựng dân dụng, công nghiệp, đặc biệt chú trọng các dự án có nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn rõ ràng,

- Công tác quản lý hoạt động SXKD: Rà soát và hoàn thiện cơ chế quản lý, đảm bảo tính công khai, minh bạch phù hợp với quy định của pháp luật; tạo điều kiện tối đa để thu hút các nguồn lực đảm bảo lợi ích cho Công ty và các đối tác.

- Cơ cấu lại bộ máy quản lý từ công ty đến các chi nhánh, tuyển dụng và đào tạo các lao động có chuyên môn sâu; xây dựng chế độ khen thưởng để khuyến khích và thu hút người lao động,....

- Huy động các nguồn lực tài chính để đảm bảo vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá và làm rõ các tồn tại tại chính tại công ty và các chi nhánh để có phương án xử lý.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

5.1 Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Theo BCTC năm 2020 đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế công ty phát sinh lỗ 15,1 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- Do Chi nhánh Công ty CP xây lắp và SXCN – Xí nghiệp Xây lắp và TCCG và Chi nhánh Công ty CP xây lắp và SXCN – Xí nghiệp Xây lắp và KSCT hạch toán tiền chậm nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.

- Do xử lý các tồn tại một số công trình tại Công ty và các Chi nhánh.

- Năm 2020 và những tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên tình hình kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, sản lượng, doanh thu giảm nhiều so với năm 2019 và những năm trước, lợi nhuận gộp không đủ bù đắp chi phí quản lý; công tác thu hồi vốn còn chậm do việc nghiệm thu thanh toán của các chủ đầu tư chậm, vướng mắc về thủ tục thanh quyết toán,... dẫn đến chi phí lãi vay cao.

5.2 Về các ý kiến của kiểm toán viên tại BCTC năm 2020

- Về việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty CP BTLT VINAINCON: Do kết quả kinh doanh của Công ty phát sinh lỗ nên Công ty chưa thực hiện trích lập bổ sung dự phòng khoản đầu tư tài chính tại Công ty CP Bê tông ly tâm VINAINCON.

- Đối với chi phí dở dang công trình K2 Mỹ Đình đến 31/12/2020 là 17,3 tỷ đồng. Công trình này hiện đang trong giai đoạn lập hồ sơ quyết toán công trình. Trong quá trình thi công (năm 2017) do phải thi công vào mùa mưa, thời gian thi công kéo dài (có thời điểm phải tạm dừng thi công do thời tiết), dẫn tới phát sinh thêm chi phí quản lý và lãi vay; chi phí vật tư (sắt thép) tăng đột biến; qua trình thi công phần thân (đơn vị khác thi công) có tải trọng lớn gây ra thấm nứt tầng hầm nhà thầu CIPC phải xử lý theo yêu cầu của chủ đầu tư. Toàn bộ chi phí thiệt hại do những nguyên nhân trên khoảng 27,7 tỷ đồng, Công ty đã tổng hợp, lập hồ sơ đề nghị chủ đầu tư xem xét thanh toán giá trị bổ sung cho Công ty tại văn bản số 09/CV-CIPC-KHDA ngày 15/01/2021 để bù đắp chi phí dở dang nói trên..

- Về các chi phí SXKD dở dang không biến động trong năm số tiền 57 tỷ đồng: Các công trình này phát sinh từ nhiều năm trước (có những công trình phát sinh từ năm 2005, còn lại chủ yếu phát sinh từ 2019 đến năm 2012). Nguyên nhân là do các công trình này chưa được chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền ký phê duyệt quyết toán.

- Đối với chi phí dở dang công trình 82 Nguyễn Tuân số tiền 10,2 tỷ đồng, đây là chi phí bảo hành công trình mà Công ty phải thực hiện theo hợp đồng.

5.3 Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả không biến động qua các năm: Như đã trình bày ở các nội dung trên, các khoản công nợ phải thu phải trả này không có biến động trong năm là do Công ty chưa thu hồi được các khoản nợ từ chủ đầu tư nên cũng chưa có nguồn để thanh toán phải trả các nhà cung cấp. Một số công trình do vướng mắc về thủ tục thanh quyết toán nên Công ty chưa có đủ căn cứ để thanh quyết toán lại cho khách hàng hoặc bù trừ công nợ đối với các công trình giao khoán cho các đội thi công (nội bộ Công ty).

5.4. Đối với việc đối chiếu công nợ: Kết thúc năm tài chính, Công ty thực hiện lập và phát hành biên bản đối chiếu công nợ gửi các khách hàng, cử cán bộ đi xác nhận đối chiếu. Tuy nhiên, nhiều khách hàng cố tình chây ì không ký đối chiếu vì sợ bị khởi kiện, nhiều khách hàng thay đổi địa chỉ nên nhiều khoản công nợ bị trả lại,... do vậy tỷ lệ đối chiếu chưa được cao.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến tác động của môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải.....):

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội :*

Năm 2020 công tác quản trị được tăng cường, giám sát chặt chẽ các hoạt động của doanh nghiệp, kịp thời có những điều chỉnh và định hướng theo đúng mục tiêu mà ĐHĐCĐ thường niên đã đề ra. HĐQT Công ty đã tổ chức họp và xin ý kiến các thành viên bằng văn bảnlần, ban hành các nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Tuân thủ đầy đủ các quy định của UBCK, Sở Giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán trong việc công bố thông tin đại chúng và các quy định bắt buộc khác.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Hội đồng quản trị tiếp tục tăng cường công tác quản trị, giám sát và hỗ trợ kịp thời hoạt động của Ban điều hành thực hiện tốt nhất kế hoạch 2021 được Đại hội thông qua.

- Xây dựng chiến lược, định hướng phát triển Công ty trong những năm tiếp theo.

- Thực hiện tốt nhất các ủy quyền mà Đại hội đã ủy thác.

V. Quản trị công ty

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Chí Nguyễn - Thành viên độc lập: Chủ tịch HĐQT:

- Cổ phần SH: 12.941 CP

- Đại diện SH: 1.006.093 CP

- Người quản lý tại Công ty khác: Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP XDCN Việt Nam

Bà Trần Thị Minh - Thành viên độc lập : Ủy viên HĐQT

- Cổ phần SH: 0 CP

- Đại diện SH: 1.364.000 CP

- Người quản lý tại Công ty khác: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP XDCN Việt Nam

Ông Phạm Hùng: ủy viên HĐQT

- Cổ phần SH: 40.000 CP

- Đại diện SH: 0 CP

- Người quản lý tại Công ty khác: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư xây dựng Công nghiệp.

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị (Liệt kê các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiêu ban: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức họp 08 lần và tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 03 lần để bàn và thống nhất về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty theo các nội dung do Giám đốc trình.

Các thành viên tham dự họp như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không dự
1	Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch	8	100%	
2	Bà Trần Thị Minh	UV HĐQT	8	100%	
3	Ông Phạm Hùng	UV HĐQT	8	100%	

Stt	Số Biên bản/ Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Biên bản họp HĐQT	19/3/2021	Thông qua các nội dung liên quan đến ĐHCĐ thường niên
2	Biên bản họp HĐQT	16/4/2020	Xin gia hạn ĐHCĐ
3	Biên bản họp HĐQT	15/5/2020	Thông qua nội dung tờ trình ĐHCĐ
4	Biên bản họp HĐQT	25/5/2020	Cử người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty CP bao bì Sông Công
5	Biên bản họp HĐQT	22/6/2022	Chào bán cổ phần của CIP tại VVN
6	Biên bản họp HĐQT	04/9/2020	Phê duyệt hạn mức tín dụng, hạn mức bảo lãnh tại NH BIDV
7	Biên bản họp HĐQT	26/10/2020	Bổ nhiệm PGĐ Công ty (ông Nguyễn Hùng Anh
8	Biên bản họp HĐQT	20/11/2020	Giải quyết kiến nghị của BKS trong biên bản kiểm tra 6 tháng đầu năm 2020

9	Phiếu xin ý kiến HĐQT	10/3/2020	Ý kiến về việc thanh lý kho vật tư
10	Phiếu xin ý kiến HĐQT	20/6/2020	Ý kiến về việc thanh lý tài sản - cần trực tiếp
11	Phiếu xin ý kiến HĐQT	03/8/2020	Ý kiến về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm : Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

Ông Ngô Đức Cường – Trưởng ban KS

- Cổ phần SH: 12.941 CP

Ông Trần Đức Hoàng: Thành viên BKS

- Cổ phần SH: 12.941 CP

Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh - Thành viên BKS

- Cổ phần SH: 12.941 CP

b) Hoạt động của Ban kiểm soát (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm Ban kiểm soát đã có 03 cuộc họp, nội dung: Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng, Kiểm soát cả năm 2020. Biên bản làm việc của ban kiểm soát đã được gửi tới HĐQT và ban điều hành với những kết quả làm việc và kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ

TT	Chức danh	Mức lương / thù lao (01 tháng)	Mức lương/thù lao (01 năm)
1	CT HĐQT	5.000.000	60.000.000
2	TV HĐQT	4.000.000	48.000.000
3	TB kiểm soát	3.000.000	36.000.000

4	TV Ban kiểm soát	2.000.000	24.000.000
5	Giám đốc	15.000.000	180.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị chủ yếu tập trung vào công tác giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và công tác tổ chức mô hình hoạt động của Công ty

Trong tất cả các hoạt động điều hành của Ban Giám đốc đều có sự giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời của HĐQT. Các cuộc họp đều được thông báo tới HĐQT, do đó các công việc điều hành sản xuất được duy trì ổn định và xử lý kịp thời.

V/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ :

1. Ý kiến của kiểm toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 4.4 tỷ đồng (tại 31 tháng 12 năm 2019 là 2,9 tỷ đồng).

Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn của Công ty có giá trị hợp đồng không bao gồm thuế là 171,24 tỷ đồng. Doanh thu lũy kế đã ghi nhận đến ngày 31/12/2020 là 171,34 tỷ đồng, chi phí dở dang của Dự án tại thời điểm 31/12/2020 là 17,3 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019 là 16,32 tỷ đồng). Công ty đã lập hồ sơ đề nghị chủ đầu tư hỗ trợ với giá trị 27,7 tỷ đồng theo công văn số 09/CV-CPIC-KHDA ngày 15 tháng 01 năm 2021 và tin tưởng sẽ được chủ đầu tư chấp nhận nên không ghi nhận khoản lỗ vào chi phí trong kỳ, đến thời điểm phát hành báo cáo này chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư về khoản hỗ trợ này. Do chưa có quyết toán cuối cùng nên Công ty chưa xem xét để xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

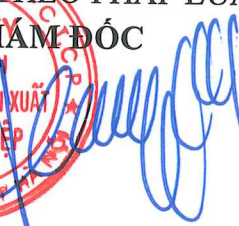
Tại ngày 31/12/2020, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty không thay đổi qua các năm với giá trị là 57 tỷ đồng. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng cần thiết để xác định ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm công trình 82 Nguyễn Tuân đã quyết toán, giá trị dở dang còn lại chưa được ghi nhận vào chi phí khoảng 10,2 tỷ đồng. Nếu ghi nhận đầy đủ theo quy định thì lỗ trên Báo cáo tài chính sẽ tăng lên 10,2 tỷ đồng.

Tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được Công ty đối chiếu đầy đủ, cụ thể: Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 31/12/2020 là 52,1 tỷ đồng (tại 01/01/2020 là 66,8 tỷ đồng), trả trước cho người bán tại 31/12/2020 là 11,9 tỷ đồng (tại 01/01/2020 là 14 tỷ đồng), phải thu ngắn hạn khác tại 31/12/2020 là 65,4 tỷ đồng (tại 01/01/2020 là 74,7 tỷ đồng), phải trả người bán tại 31/12/2020 là 51,9 tỷ đồng (tại 01/01/2020 là 103,3 tỷ đồng), người mua trả tiền trước tại 31/12/2020 là 14,5 tỷ đồng (tại 01/01/2020 là 43,2 tỷ đồng), phải trả ngắn hạn khác tại 31/12/2020 là 40 tỷ đồng (tại 01/01/2020 là 37,9 tỷ đồng), vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại 31/12/2020 là 1,9 tỷ đồng (tại 01/01/2020 là 2,2 tỷ đồng). Tại ngày 31/12/2020, có một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty không thay đổi qua các năm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 42,8 tỷ đồng, phải trả người bán là 72,6 tỷ đồng, trả trước cho người bán là 10,5 tỷ đồng, người mua trả tiền trước là 30 tỷ đồng, phải thu khác là 54,5 tỷ đồng và phải trả khác là 63,9 tỷ đồng. Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và thanh toán các khoản công nợ này. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán: Bản scan kèm theo

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT
CÔNG NGHIỆP



Dương Quang Hưng



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

WORLD
TECH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch
Ông Phạm Hùng	Thành viên
Bà Trần Thị Minh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Quang Hưng	Giám đốc
Ông Phan Huy Hùng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Anh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/10/2020)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Quang Hưng	Giám đốc
----------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Quang Hưng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Số: 243 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 4 năm 2021, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn của Công ty có giá trị hợp đồng không bao gồm thuế là 171,24 tỷ đồng. Doanh thu lũy kế đã ghi nhận đến ngày 31/12/2020 là 171,34 tỷ đồng, chi phí dở dang của Dự án tại thời điểm 31/12/2020 là 17,3 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 16,32 tỷ đồng). Công ty đã lập hồ sơ đề nghị chủ đầu tư giá trị bổ sung 27,7 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và chủ đầu tư đang tiếp tục làm việc về giá trị bổ sung này. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm 2020 của Công ty.

Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31/12/2020 bao gồm công trình 82 Nguyễn Tuấn đã quyết toán, giá trị dở dang còn lại chưa được ghi nhận vào chi phí khoảng 10,2 tỷ đồng. Nếu ghi nhận đầy đủ theo quy định thì lỗi trên Báo cáo tài chính sẽ tăng lên 10,2 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2020, ngoài hai khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hai công trình nêu trên, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty không thay đổi qua các năm với giá trị khoảng 57 tỷ đồng. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng cần thiết để xác định ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2020, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 4,4 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019 là 2,9 tỷ đồng).

Tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được Công ty đối chiếu đầy đủ, cụ thể: Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2020 là 52,1 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 66,8 tỷ đồng), trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2020 là 11,9 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 14 tỷ đồng), phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2020 là 65,4 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 74,7 tỷ đồng), phải trả người bán tại ngày 31/12/2020 là 51,9 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 103,3 tỷ đồng), người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2020 là 14,5 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 43,2 tỷ đồng), phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2020 là 40 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 37,9 tỷ đồng), vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là 1,9 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2020 là 2,2 tỷ đồng). Tại ngày 31/12/2020, có một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty không thay đổi qua các năm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 42,8 tỷ đồng, phải trả người bán là 72,6 tỷ đồng, trả trước cho người bán là 10,5 tỷ đồng, người mua trả tiền trước là 30 tỷ đồng, phải thu khác là 54,5 tỷ đồng và phải trả khác là 63,9 tỷ đồng. Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và thanh toán các khoản công nợ này. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2, trong đó mô tả về tính hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 446/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 09/04/2020 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ (về vấn đề chưa đánh giá khoản lỗ tiềm tàng, chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, chưa ghi nhận khoản lãi chậm nộp thuế, chưa có đủ thư xác nhận một số khoản công nợ phải thu, phải trả).



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2020-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		344.620.522.542	419.096.386.887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.027.182.600	67.937.937.470
1. Tiền	111		4.327.182.600	53.787.937.470
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.700.000.000	14.150.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.350.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.350.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		218.757.654.742	222.752.507.533
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	90.945.508.422	94.752.947.379
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	30.856.304.459	16.610.625.158
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	114.957.013.429	130.940.106.564
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.001.171.568)	(19.551.171.568)
IV. Hàng tồn kho	140	10	95.657.900.354	128.405.941.884
1. Hàng tồn kho	141		95.657.900.354	128.405.941.884
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.827.784.846	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.827.784.846	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.589.086.820	44.828.657.488
I. Tài sản cố định	220		9.172.774.169	10.704.338.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.435.611.598	9.935.882.700
- Nguyên giá	222		21.620.879.516	23.218.279.516
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.185.267.918)	(13.282.396.816)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	737.162.571	768.455.307
- Nguyên giá	228		889.636.601	889.636.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.474.030)	(121.181.294)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.228.913.617	18.228.913.617
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	18.228.913.617	18.228.913.617
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	14.390.211.000	14.390.211.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.200.000.000	12.200.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.380.000.000	3.380.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.189.789.000)	(1.189.789.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		797.188.034	1.505.194.864
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	797.188.034	1.505.194.864
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		387.209.609.362	463.925.044.375

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		356.916.718.078	418.490.423.079
I. Nợ ngắn hạn	310		356.916.718.078	418.276.534.174
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	137.553.958.658	181.640.791.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	60.744.387.046	87.304.515.443
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	11.625.979.198	4.815.135.761
4. Phải trả người lao động	314		848.064.739	1.024.075.710
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	10.544.925.193	16.302.588.009
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	65.181.606.274	66.754.463.738
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	70.003.356.048	60.015.022.863
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		414.440.922	419.940.922
II. Nợ dài hạn	330		-	213.888.905
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	-	213.888.905
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.292.891.284	45.434.621.296
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	30.292.891.284	45.434.621.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.450.000.000	45.450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.450.000.000	45.450.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.498.950.000	4.498.950.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.656.058.716)	(4.514.328.704)
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(4.514.328.704)	(4.787.332.019)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(15.141.730.012)	273.003.315
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		387.209.609.362	463.925.044.375



Đỗ Trung Dũng
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021



Đỗ Văn Hùng
Kế toán trưởng



Dương Quang Hưng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	121.503.264.834	275.690.207.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		121.503.264.834	275.690.207.442
4. Giá vốn hàng bán	11	23	125.078.808.269	270.079.828.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(3.575.543.435)	5.610.378.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.398.236.565	886.857.000
7. Chi phí tài chính	22	25	3.745.016.297	3.114.727.199
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	3.745.016.297	3.114.727.199
8. Chi phí bán hàng		25	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2.923.650.315	4.558.749.147
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(8.845.973.482)	(1.176.240.408)
11. Thu nhập khác	31	28	7.918.279.021	5.292.938.020
12. Chi phí khác	32	29	14.214.035.551	3.843.694.297
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(6.295.756.530)	1.449.243.723
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(15.141.730.012)	273.003.315
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(15.141.730.012)	273.003.315
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(3.332)	60

Đỗ Trung Dũng
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Đỗ Văn Hùng
Kế toán trưởng




Dương Quang Hưng
Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(15.141.730.012)	273.003.315
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	533.188.862	1.176.129.838
Các khoản dự phòng	03	(1.550.000.000)	(790.764.000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.299.861.589)	(1.661.789.512)
Chi phí lãi vay	06	3.745.016.297	3.114.727.199
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(13.713.386.442)	2.111.306.840
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.717.067.945	94.200.515.570
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	32.748.041.530	35.841.847.940
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(71.388.562.675)	(97.480.128.921)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	708.006.830	(309.323.545)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.878.995.297)	(2.343.320.066)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(47.373.354)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	260.320.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(297.323.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(51.807.828.109)	31.936.521.334
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	900.000.000	2.227.590.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.350.000.000)	(6.850.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	9.150.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.398.236.565	886.774.007
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.051.763.435)	5.414.364.007
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	60.367.005.399	64.733.109.806
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(50.418.168.725)	(76.203.457.156)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.069.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.948.836.674	(11.473.416.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(49.910.754.870)	25.877.468.541
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	67.937.937.470	42.060.468.929
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	18.027.182.600	67.937.937.470


 Đỗ Trung Dũng
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021


 Đỗ Văn Hùng
 Kế toán trưởng


 Dương Quang Hưng
 Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam). Công ty chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101058736 cấp lần đầu ngày 31/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11/10/2018.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 45.450.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 29 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Lắp đặt thiết bị công nghệ, điện nước, đo lường, phòng chống cháy;
- Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp, sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và công việc thử nước, chống thấm các tòa nhà;
- Đại lý môi giới đầu giá: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kinh doanh bất động sản quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất các cấu kiện kim loại.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thi công xây lắp các công trình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc của Công ty:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Tình trạng
1	Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới	Số 150/72 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	Đang hoạt động
2	Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình	Số 1 Đại Đồng, Thanh Trì, Hà Nội	Đang hoạt động

Danh sách các Công ty liên kết của Công ty:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Hải Dương	20%	20%
Công ty CP Bao bì Sông Công	Thái Nguyên	38%	38%

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam: Công ty mẹ sở hữu 52,15% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam: Cùng cổ đông góp vốn - Công ty mẹ;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 19.656.058.716 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 4.514.328.704 đồng); đồng thời tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 12.296.195.536 đồng, điều này có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Ban Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và đặt ra kế hoạch thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi công nợ, quyết toán công trình dở dang và tiếp tục trao đổi với chủ nợ để gia hạn các khoản nợ tới hạn trả trong năm tiếp theo. Do đó, vấn đề mất cân đối khả năng thanh toán tại ngày 31/12/2020 (nếu có) sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá, ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Công ty áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- Các công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

102
C
KI
V
NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty còn khoản lỗ lũy kế là 9.374.878.282 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	73.954.289	1.065.231.878
Tiền gửi ngân hàng	4.253.228.311	52.722.705.592
Các khoản tương đương tiền (i)	13.700.000.000	14.150.000.000
	18.027.182.600	67.937.937.470

Ghi chú:

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 đến 03 tháng tại các ngân hàng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.350.000.000	10.350.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.350.000.000	10.350.000.000	-	-

Ghi chú:

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.200.000.000	1.189.789.000		12.200.000.000	1.189.789.000	
Công ty Cổ phần Bao Bi Sông Công	4.200.000.000	-	(*)	4.200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	8.000.000.000	1.189.789.000	(*)	8.000.000.000	1.189.789.000	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	3.380.000.000	-		3.380.000.000	-	
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp Đức Giang	1.200.000.000	-	(*)	1.200.000.000	-	(*)
Các khoản đầu tư dài hạn khác	2.180.000.000	-	(*)	2.180.000.000	-	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin khoản đầu tư vào Công ty liên kết

<u>Tên Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Hải Dương	20%	20%
Công ty CP Bao bì Sông Công	Thái Nguyên	37,98%	37,98%

Ghi chú:

- (*) Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường cũng như không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon (“Bê tông Vinaincon”) có vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty sở hữu 8.000.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ của Bê tông Vinaincon. Trong năm, Công ty hoạt động lỗ 6.477.600.278 đồng. Công ty có lỗ lũy kế tới ngày 31/12/2020 là 27.360.408.901 đồng (lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 20.882.808.623 đồng).

Công ty Cổ phần Bao bì Sông Công (“Sông Công”) có vốn điều lệ là 11.057.500.000 đồng, trong đó Công ty sở hữu 4.200.000.000 đồng, tương đương 37,98% vốn điều lệ của Sông Công. Trong năm, Công ty hoạt động có lãi 1.258.899.157 đồng. Công ty có lãi lũy kế tới ngày 31/12/2020 là 1.273.124.980 đồng (lãi lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 14.225.823 đồng).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty CP Đầu tư bất động sản Đông Anh	19.478.368.020	19.379.405.020
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	7.786.383.796	7.786.383.796
Sở Khoa học CN Hà Nội - DA TT GD CN thường xuyên	6.340.999.008	5.822.060.008
XL 7 - Đường ống nước số 2 Sơn Động 3	4.800.276.765	4.800.276.765
BQLDA Khu vực phía Nam - Ngân hàng BIDV	4.696.947.458	4.696.947.458
XN Cơ giới - CT Xưởng Cơ khí chính	3.333.322.391	3.333.322.391
Ban Quản lý Dự án đầu tư quận Ba Đình	5.527.185.163	1.187.378.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	6.493.662.439	6.493.662.439
Các đối tượng khác	32.488.363.382	41.253.511.502
	90.945.508.422	94.752.947.379
b. Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan	14.485.950.635	14.485.950.635
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Linh Ngân	5.881.921.050	-
Công ty Cổ phần Gia An Group Việt Nam	6.299.781.712	-
Công ty TNHH Xây dựng và TM QP Việt Nam	3.729.663.741	2.115.785.029
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.660.642.027	1.660.642.027
Công ty CP Công nghệ xây dựng Hoa Mai	1.300.000.000	-
Các đối tượng khác	11.984.295.929	12.834.198.102
	30.856.304.459	16.610.625.158
b. Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	1.660.642.027	1.660.642.027

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tạm ứng (i)	66.303.030.316	74.026.545.339
Công ty 27/7 Ninh Bình - CT XMTN	3.628.925.510	3.628.925.510
Đặng Cẩm Thi - Phòng KHDA Công ty	-	5.500.000.000
Tân - CT Gia cổ Sông Nhuệ	4.123.936.278	4.067.968.278
H.V.Tinh - CT khu đất 1,65ha Cổ Nhuế	3.860.329.225	3.860.329.225
Thiện-CT Viettel Cà Mau	4.182.070.959	4.036.066.629
Các đối tượng phải thu khác	32.858.721.141	35.820.271.583
	114.957.013.429	130.940.106.564

Ghi chú:

(i) Chủ yếu bao gồm khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên, tổ đội phục vụ thi công công trình.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ông Dương Đức Hạnh	2.363.015.009	2.363.015.009	2.363.015.009	2.363.015.009
Công ty Chế tạo máy	5.436.575.194	5.436.575.194	5.436.575.194	5.436.575.194
Ông Đào Mạnh Hùng	961.414.679	961.414.679	2.411.414.679	2.411.414.679
Ông Trần Văn Phúc	1.600.816.467	1.600.816.467	1.600.816.467	1.600.816.467
Các đối tượng khác	7.639.350.219	7.639.350.219	7.739.350.219	7.739.350.219
	18.001.171.568	18.001.171.568	19.551.171.568	19.551.171.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	702.728.874	-	3.859.659.648	-
Công cụ, dụng cụ	12.370.818	-	12.370.818	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.942.800.662	-	124.533.911.418	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn - Hà Nội</i>	<i>17.315.397.659</i>	<i>-</i>	<i>16.321.371.910</i>	<i>-</i>
<i>Dự án mở rộng Gang thép Thái Nguyên</i>	<i>8.949.507.319</i>	<i>-</i>	<i>8.949.507.319</i>	<i>-</i>
<i>Xây dựng trụ sở BIDV Bạc Liêu</i>	<i>5.586.928.965</i>	<i>-</i>	<i>5.586.928.965</i>	<i>-</i>
<i>Tổ hợp Trung tâm Thương mại & Căn hộ CC New Melbourne Bắc Ninh</i>	<i>6.142.800.443</i>	<i>-</i>	<i>4.651.401.896</i>	<i>-</i>
<i>Công trình nhà máy xi măng Thái Nguyên</i>	<i>3.098.391.246</i>	<i>-</i>	<i>3.098.391.246</i>	<i>-</i>
<i>Trường tiểu học Kim Chung 2 Đông Anh</i>	<i>5.212.248.609</i>	<i>-</i>	<i>128.018.003</i>	<i>-</i>
<i>Trung tâm GDTX-Sở KHCN Hà Nội</i>	<i>4.129.053.440</i>	<i>-</i>	<i>4.920.791.698</i>	<i>-</i>
<i>CT: 82 Nguyễn Tuân phần thân</i>	<i>10.260.699.537</i>	<i>-</i>	<i>28.978.788.348</i>	<i>-</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>34.247.773.444</i>	<i>-</i>	<i>51.898.712.033</i>	<i>-</i>
	95.657.900.354	-	128.405.941.884	-

182
 CC
 KIẾ
 V
 NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	13.486.196.178	4.255.393.270	5.253.505.524	223.184.544	23.218.279.516
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.597.400.000)	-	-	(1.597.400.000)
Tại ngày cuối năm	13.486.196.178	2.657.993.270	5.253.505.524	223.184.544	21.620.879.516
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	4.878.403.284	2.927.303.464	5.253.505.524	223.184.544	13.282.396.816
Khấu hao trong năm	305.424.038	196.472.088	-	-	501.896.126
Thanh lý, nhượng bán	-	(599.025.024)	-	-	(599.025.024)
Tại ngày cuối năm	5.183.827.322	2.524.750.528	5.253.505.524	223.184.544	13.185.267.918
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	8.607.792.894	1.328.089.806	-	-	9.935.882.700
Tại ngày cuối năm	8.302.368.856	133.242.742	-	-	8.435.611.598

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 7.892.998.640 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 8.648.448.588 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 9.286.727.464 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 7.442.949.072 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày đầu năm	814.636.601	-	75.000.000	889.636.601
Phân loại lại	-	75.000.000	(75.000.000)	-
Tại ngày cuối năm	814.636.601	75.000.000	-	889.636.601
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày đầu năm	83.681.294	-	37.500.000	121.181.294
Khấu hao trong năm	16.292.736	15.000.000	-	31.292.736
Phân loại lại	-	37.500.000	(37.500.000)	-
Tại ngày cuối năm	99.974.030	52.500.000	-	152.474.030
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	730.955.307	-	37.500.000	768.455.307
Tại ngày cuối năm	714.662.571	22.500.000	-	737.162.571

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đầu tư dự án Xuân Phương	252.950.947	252.950.947
Xây dựng nhà điều hành (i)	17.975.962.670	17.975.962.670
	18.228.913.617	18.228.913.617

Ghi chú:

- (i) Dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Dự án mới thực hiện triển khai ở giai đoạn đầu, chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp.

Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Thanh Thủy theo Hợp đồng số 40/HĐKT ngày 14/10/2015, tuy nhiên theo Thông báo số 740/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, hồ sơ đề xuất chuyển nhượng dự án của nhà đầu tư còn một số nội dung tồn tại chưa đủ điều kiện báo cáo UBND thành phố xem xét việc chuyển nhượng, do đó Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội thông báo trả hồ sơ đề nghị chuyển nhượng dự án sau khi Công ty hoàn thiện hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sẽ thẩm định và báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác	797.188.034	1.505.194.864
	797.188.034	1.505.194.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
GT19.2 dg mỏ đá với Xi măng-Tân Việt	8.634.856.978	8.634.856.978	8.634.856.978	8.634.856.978
Công ty TNHH Sunghsin Vina	6.880.000.000	6.880.000.000	7.460.619.000	7.460.619.000
Công ty TNHH Việt Đức	6.200.000.000	6.200.000.000	6.950.000.000	6.950.000.000
Công ty CP XNK TM và XD Ngọc Khánh	5.879.602.000	5.879.602.000	-	-
Công ty Cổ phần Nhật Nam	4.400.000.000	4.400.000.000	5.700.000.000	5.700.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	4.593.255.000	4.593.255.000	4.593.255.000	4.593.255.000
Công ty CP Đầu tư XD và TM Tùng Sơn	4.350.306.895	4.350.306.895	1.261.922.500	1.261.922.500
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Gia Nhân	630.408.069	630.408.069	14.087.625.277	14.087.625.277
Công ty TNHH Tâm Phúc	4.410.391.611	4.410.391.611	4.410.391.611	4.410.391.611
Các đối tượng khác	91.575.138.105	91.575.138.105	128.542.121.362	128.542.121.362
	137.553.958.658	137.553.958.658	181.640.791.728	181.640.791.728
b. Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	4.593.255.000	4.593.255.000	6.342.895.208	6.342.895.208
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)				

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Huyện Đông Anh	10.508.994.000	28.500.000.000
Công an tỉnh Lai Châu	15.113.755.902	15.113.755.902
Ban QLDA Đầu tư XD khu vực Agribank	2.909.699.807	-
Công ty TNHH Thống Nhất Bắc Việt	-	27.560.831.895
Ban QLDA Đầu tư XD Quận Bắc Từ Liêm	11.772.121.000	-
Các đối tượng khác	20.439.816.337	16.129.927.646
	60.744.387.046	87.304.515.443
b. Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan	3.709.145.991	3.709.145.991
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)		

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/nộp trong năm	Số đã thực thu/nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	249.910.177	2.077.695.023	1.827.784.846
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	15.771.233	15.771.233	-
	-	265.681.410	2.093.466.256	1.827.784.846
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.047.612.529	378.558.542	514.812.011	2.911.359.060
Thuế thu nhập cá nhân	314.888.416	193.303.980	25.462.208	482.730.188
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	983.674.297	353.438.099	860.085.271	477.027.125
Thuế và các khoản phải nộp khác	468.960.519	7.363.586.495	77.684.189	7.754.862.825
	4.815.135.761	8.288.887.116	1.478.043.679	11.625.979.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản trích trước chi phí công trình và chi phí khác	10.544.925.193	16.302.588.009
	10.544.925.193	16.302.588.009

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	-	17.939.783
Bảo hiểm xã hội	3.515.207	89.069.158
Bảo hiểm y tế	47.136.584	-
Bảo hiểm thất nghiệp	21.671.342	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.525.497.155	5.525.497.155
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	59.583.785.986	61.121.957.642
<i>Công ty TNHH MTV và Dịch vụ Thanh Thủy (i)</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Các đối tượng phải trả khác</i>	<i>36.583.785.986</i>	<i>38.121.957.642</i>
	65.181.606.274	66.754.463.738
b. Phải trả khác là các bên liên quan	7.363.096.900	7.062.875.900
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)		

Ghi chú:

- (i) Khoản phải trả Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Thủy theo hợp đồng chuyển nhượng dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội số 40/HĐKT ngày 14/10/2015 như đã trình bày tại thuyết minh số 13 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	70.003.356.048	70.003.356.048	50.373.160.661	60.361.493.846	60.015.022.863	60.015.022.863
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (i)		66.123.616.611	50.068.638.267	60.361.493.846	55.830.761.032	55.830.761.032
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Hà Nội (ii)	24.000.000	24.000.000	174.392.394	-	198.392.394	198.392.394
Vay cá nhân	3.855.739.437	3.855.739.437	130.130.000	-	3.985.869.437	3.985.869.437
b) Vay dài hạn	-	-	219.400.458	5.511.553	213.888.905	213.888.905
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (iii)	-	-	219.400.458	5.511.553	213.888.905	213.888.905

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/14/HĐTD ngày 22/01/2020 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (BIDV). Hạn mức cấp tín dụng là 70 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2020. Lãi suất xác định cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: Tài sản của Công ty hoặc Bên thứ 3 được BIDV chấp nhận.
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng vay số 1480-LAY-201100473/HĐTD ngày 30/05/2011. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay là 15.000.000.000 đồng, vốn xin bảo lãnh là 10.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ hoặc theo thông báo của Ngân hàng.
- (iii) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/14/HĐTD ngày 13/11/2014, số tiền vay là 5 tỷ đồng. Mục đích vay: Đầu tư mới sản phẩm tại Khu B tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Hà Đông, Hà Nội. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất áp dụng tại ngày 31/12/2014 là 11%/năm. Tài sản đảm bảo: Quyền tài sản phát sinh theo hợp đồng mua bán nhà văn phòng số 233/HĐMB/SĐ-HĐ ngày 29/09/2014, giá trị căn nhà là 8.923.090.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	45.450.000.000	4.498.950.000	(4.787.332.019)	45.161.617.981
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	273.003.315	273.003.315
Tại ngày đầu năm nay	45.450.000.000	4.498.950.000	(4.514.328.704)	45.434.621.296
Lợi nhuận trong năm	-	-	(15.141.730.012)	(15.141.730.012)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	45.450.000.000	4.498.950.000	(19.656.058.716)	30.292.891.284

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	23.700.930.000	23.700.930.000
Các cổ đông khác	21.749.070.000	21.749.070.000
	45.450.000.000	45.450.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	45.450.000.000	45.450.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	45.450.000.000	45.450.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.545.000	4.545.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.545.000	4.545.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.545.000	4.545.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.545.000	4.545.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.545.000	4.545.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	121.503.264.834	275.690.207.442
	121.503.264.834	275.690.207.442

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	125.078.808.269	270.079.828.504
	125.078.808.269	270.079.828.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.398.236.565	886.857.000
	1.398.236.565	886.857.000

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.745.016.297	3.114.727.199
	3.745.016.297	3.114.727.199

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	2.923.650.315	4.558.749.147
Chi phí nhân viên	2.419.495.877	2.823.312.372
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	4.229.000	134.782.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	291.626.234	312.128.681
Thuế, phí và lệ phí	93.242.922	194.486.464
Chi phí dự phòng	(1.550.000.000)	(790.764.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.448.145	82.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.587.608.137	1.802.803.630

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	24.493.592.125	85.312.671.038
Chi phí nhân công	17.057.114.209	17.225.655.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	399.563.738	3.878.224.588
Chi phí dự phòng	(1.550.000.000)	(790.764.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.466.012.493	125.173.390.032
Chi phí bằng tiền khác	1.545.065.263	7.810.094.610
	98.411.347.828	238.609.271.643

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý vật tư, tài sản cố định	3.906.374.182	3.151.987.291
Xử lý công nợ không phải trả	1.033.325.063	78.249.257
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, máy móc	2.533.044.036	1.715.509.200
Thu nhập khác	445.535.740	347.192.272
	7.918.279.021	5.292.938.020

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thanh lý vật tư, tài sản cố định	5.735.235.216	2.377.054.779
Tiền thuế và tiền phạt chậm nộp thuế	7.742.071.984	101.884.996
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	39.277.950
Các khoản khác	736.728.351	1.325.476.572
	14.214.035.551	3.843.694.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(15.141.730.012)	273.003.315
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	8.093.285.811	331.625.260
- Các khoản tiền phạt	8.093.285.811	331.625.260
- Chi phí không được khấu trừ khác		
Chuyển lỗ	-	(604.628.575)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(7.048.444.201)	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Trong năm, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

31. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế	9.374.878.282	2.326.434.081
Lỗ lũy kế được chuyển lỗ trong tương lai	9.374.878.282	2.326.434.081

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2020 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Thời hạn chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển	Tình trạng
		VND	VND	VND	
2018	2019-2023	2.931.062.656	604.628.575	2.326.434.081	Chưa quyết toán thuế
2020	2021-2025	7.048.444.201	-	7.048.444.201	Chưa quyết toán thuế
		9.979.506.857	604.628.575	9.374.878.282	

32. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.141.730.012)	273.003.315
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(15.141.730.012)	273.003.315
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.545.000	4.545.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(3.332)	60

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam
Các Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu
Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ (không bao gồm thuế GTGT)	(192.188.336)	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	(192.188.336)	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.660.642.027	1.660.642.027
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.660.642.027	1.660.642.027
Phải thu khách hàng ngắn hạn	14.485.950.635	14.485.950.635
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	7.786.383.796	7.786.383.796
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	6.493.662.439	6.493.662.439
Công ty Cổ phần Tư vấn và thiết kế xây dựng Vinaincon	205.904.400	205.904.400
Phải thu khác ngắn hạn	97.922.880	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	97.922.880	-
Phải trả người bán ngắn hạn	4.593.255.000	6.342.895.208
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	-	1.749.640.208
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	4.593.255.000	4.593.255.000
Phải trả khác	7.363.096.900	7.062.875.900
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	4.363.096.900	4.062.875.900
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	3.000.000.000	3.000.000.000
Người mua trả tiền trước	3.709.145.991	3.709.145.991
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.433.129.345	1.433.129.345
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	2.276.016.646	2.276.016.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập, thù lao của HĐQT, Ban Giám đốc	437.540.000	482.821.715
	437.540.000	482.821.715

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng tài sản. Đồng thời, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

35. THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động đối với tình hình kinh tế - xã hội, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công và chi phí nhân công. Những thay đổi về giá nguyên vật liệu thi công, chi phí nhân công có thể ảnh hưởng đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại Xí nghiệp Xây lắp và Thi công Cơ Giới và Xí nghiệp Xây lắp Khảo sát với số tiền là 10,9 tỷ đồng, do đó có thể phát sinh các khoản thuế chậm nộp trong tương lai liên quan đến số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại hai Xí nghiệp này.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 13, Dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội chưa đủ điều kiện chuyên nhượng dự án theo thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, theo đó trong tương lai nếu dự án không được cấp phép chuyển nhượng thì Công ty có thể sẽ không thu hồi được lợi ích tương ứng với chi phí xây dựng cơ bản dở dang (chủ yếu là tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất) đã phát sinh.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.



Đỗ Trung Dũng
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021



Đỗ Văn Hùng
Kế toán trưởng



Dương Quang Hưng
Giám đốc

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Văn phòng Hải Phòng

Tầng 4, số 19 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: +84-225 353 4655
Fax: +84-225 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,
Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

6th Floor, HUD Building, No. 159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Hai Phong Office

4th Floor, No. 19 Dien Bien Phu Street, May To Ward,
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: +84-225 353 4655
Fax: +84-225 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn